

**DANH SÁCH SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH  
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026 (CHÍNH THỨC)**

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
1	22110014	Đậu Quang Anh	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
2	22110018	Trần Phạm Quốc Anh	9,85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
3	22110038	Trần Thành Đạt	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
4	22110049	Đỗ Tiền Hải	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
5	22110081	Lê Đặng Gia Khánh	9,87	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
6	22110116	Nguyễn Vũ Hoàng Minh	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
7	22110202	Lý Quang Thắng	9,87	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
8	22110228	Đào Trọng Toàn	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
9	22110239	Lê Minh Trọng	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
10	22110264	Nguyễn Văn Anh Vũ	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
11	22120067	Lâm Hồng Anh Đức	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
12	22120080	Nguyễn Minh Duy	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
13	22120097	Nguyễn Anh Hào	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
14	22120110	Đặng Minh Hoàng	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
15	22120147	Bùi Trần Quang Khải	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
16	22120160	Bùi Lê Anh Khoa	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
17	22120186	Huỳnh Tấn Lộc	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
18	22120197	Nguyễn Vĩnh Lương	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
19	22120199	Trần Lương	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
20	22120201	Huỳnh Mẫn	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
21	22120212	Trần Đức Minh	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
22	22120213	Đoàn Thị Minh Anh	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
23	22120280	Phan Hồng Phúc	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
24	22120290	Lê Minh Quân	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
25	22120301	Nguyễn Trung Quốc	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
26	22120368	Phan Thanh Tiến	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
27	22120406	Võ Anh Tuấn	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
28	22130029	Nguyễn Hải Đăng	9,77	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
30	22130077	Nguyễn Văn Khang	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
31	22130134	Lâm Tâm Như	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
32	22130153	Quách Thiệu Sâm	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
34	22130177	Phan Lê Minh Thuận	9,33	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
35	22130211	Lương Tiểu Tuệ	9,28	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
29	22130040	Cao Khánh Duy	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
33	22130157	Lê Bá Sơn	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
36	22140009	Dương Trịnh Thế Anh	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
37	22140030	Lê Lan Chi	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
38	22140102	Thái Minh Lập	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
39	22140108	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
40	22140131	Trần Minh Ngọc	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
41	22140132	Văn Bảo Ngọc	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
42	22140134	Trần Xuân Nguyên	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
43	22140139	Nguyễn Minh Nhật	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
44	22140161	Trần Minh Phúc	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
45	22140191	Nguyễn Thị Thạch Thảo	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
46	22140213	Trần Nguyễn Mỹ Tiên	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
47	22140220	Lê Minh Trí	9,32	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
48	22140230	Nguyễn Đình Tuấn	9,32	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
49	22140232	Dương Mạnh Tường	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
50	22150035	Tạ Thị Hằng	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
51	22150040	Nguyễn Thu Hiền	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
52	22150067	Lê Nhật Minh	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
53	22150128	Huỳnh Hoàng Tú	8,32	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
54	22160015	Nguyễn Trần Trọng	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Địa chất học
55	22170003	Lê Thị Vân Anh	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
56	22170050	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
57	22170059	Võ Thị Hồng Thắm	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
58	22180020	Lê Trọng Bằng	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
59	22180029	Hoàng Linh Chi	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
60	22180032	Nguyễn Đặng Chí Cường	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
61	22180059	Ninh Giao Mỹ Hằng	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
62	22180061	Nguyễn Thị Hiền	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
63	22180071	Nguyễn Gia Huy	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
64	22180123	Phan Vũ Gia Nghi	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
65	22180124	Võ Hà Phương Nghi	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
66	22180197	Hà Cẩm Thùy	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
67	22190001	Võ Thúy An	8,94	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
68	22190025	Nguyễn Hạnh Bảo Hân	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
69	22190070	Nguyễn Thị Cẩm Quyên	9,46	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
70	22190076	Phạm Việt Tâm	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
71	22200019	Lê Phong Cảnh	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
72	22200063	Phạm Trọng Hoàng	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
73	22200104	Võ Ngô Anh Minh	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
74	22200135	Phạm Phương Quỳnh	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
75	22200164	Phạm Ngọc Trâm	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
76	22200183	Nguyễn Quốc Việt	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
77	22210009	Nguyễn Thị Ngân	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
78	22220012	Võ Hoàng Duy	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
79	22220039	Trần Huy Nhon	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
80	22220055	Nguyễn Lê Tâm Thi	8,71	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
81	22230041	Nguyễn Văn Thiêm	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
82	22230044	Dư Bảo Trâm	9,55	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật hạt nhân
83	22250026	Nguyễn Xuân Khôi	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
84	22250043	Trần Quốc Sơn	9,04	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
85	22260001	Lê Tuấn Anh	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
86	22260046	Nguyễn Nhật Trinh	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
87	22270004	Trần Lệ Yên Chi	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất
88	22280034	Trương Minh Hoàng	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
89	22280037	Nguyễn Thị Xuân Hương	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
90	22280040	Trần Gia Huy	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
91	22280072	Vũ Ngọc Phương	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
92	22290022	Phạm Thị Nhị	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
93	22290026	Lữ Thị Như Quỳnh	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
94	22290034	Hoàng Mai Trang	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
95	23110004	Phạm Quỳnh Anh	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
96	23110019	Nguyễn Đỗ Gia Huy	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
97	23110072	Lê Vũ Thành Đạt	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
98	23110075	Nguyễn Ngọc Đức	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
99	23110126	Nguyễn Hoàng Vũ Nguyên	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
100	23110131	Lê Thị Ngọc Anh	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
101	23110159	Hà Thị Nam Hương	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
102	23110206	Đình Nhật Tân	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
103	23120003	Võ Hàn Trân Châu	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
104	23120004	Nguyễn Trọng Doanh	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
105	23120009	Nguyễn Thanh Khôi	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
106	23120015	Huỳnh Quốc Huy	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
107	23120022	Hoàng Gia Bảo	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
108	23120023	Nguyễn Thái Bảo	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
109	23120038	Lê Hoàng Mỹ Hạ	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
110	23120065	Nguyễn Trọng Nhân	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
111	23120075	Trần Đức Quân	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
112	23120085	Nguyễn Quốc Thắng	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
113	23120098	Hoàng Kim Trí	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
114	23120108	Vòng Hải Yến	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
115	23120135	Trần Anh Khoa	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
116	23120150	Võ Thành Nhân	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
117	23120170	Nguyễn Đoàn Xuân Thu	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
118	23120173	Khổng Đức Tiến	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
119	23120181	Lê Văn Trường	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
120	23120195	Lê Hà Thanh Chương	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
121	23120199	Huỳnh Đức Thịnh	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
122	23120200	Nguyễn Hưng Thịnh	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
123	23120222	Lê Thành Công	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
124	23120232	Lê Thượng Đế	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
125	23120254	Trịnh Thị Thu Hiền	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
126	23120255	Lê Tấn Hiệp	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
127	23120293	Đỗ Duy Lợi	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
128	23120318	Trương Quang Phát	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
129	23120334	Huỳnh Tấn Phước	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
130	23120357	Lê Nhật Thành	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
131	23122030	Phạm Phú Hòa	9,94	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
132	23122044	Trần Chí Nguyên	9,92	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
133	23130002	Lê Gia Bảo	9,04	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
135	23130036	Phạm Thị Hồng Nhung	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
136	23130040	Nguyễn Trọng Quang	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
137	23130106	Diệp Thiên Du	9,06	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
138	23130119	Nguyễn Minh Hải	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
139	23130137	Võ Hoàng Khang	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
140	23130187	Trần Lê Yến Nhi	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
141	23130199	Võ Chúc Phong	9,53	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
142	23130230	Phạm Huỳnh Thụy Thảo	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
144	23137003	Nguyễn Trần Gia Bảo	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
134	23130030	Trần Thị Cẩm Ly	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
143	23130256	Nguyễn Văn Trường	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
145	23140003	Vũ Văn Hoàng	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
146	23140023	Nguyễn Phạm Minh Trí	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
147	23140025	Bùi Nguyễn Quang Tuấn	8,35	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
148	23140035	Nghi Bích Hoàng	8,45	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
149	23140036	Phạm Đăng Nguyên Khôi	8,63	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
150	23140123	Nguyễn Phan Thanh Lam	8,59	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
151	23140128	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	8,4	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
152	23140130	Phan Tấn Lộc	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
153	23140137	Đinh Thị Ly Ly	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
154	23140182	Trần Anh Quân	8,91	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
155	23150004	Hồ Nguyễn Trâm Anh	8,08	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
156	23150009	Nguyễn Phương Dung	8,35	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
157	23150036	Lê Ngọc Minh Thu	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
158	23150051	Vũ Phi Long	8,18	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
159	23150078	Phạm Thị Thùy Dung	8,18	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
160	23150097	Nguyễn Thị Huyền	8,39	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
161	23150132	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,18	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
162	23150191	Nguyễn Bích Kiều Thương	8,14	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
163	23160007	Nguyễn Lê Thảo Tiên	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Địa chất học
164	23170008	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
165	23170019	Võ Thị Hồng Ánh	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
166	23170049	Tạ Thị Như Mai	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
167	23170072	Nguyễn Trần Mai Quỳnh	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Khoa học môi trường
168	23180001	Trần Thị Mỹ Tâm	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
169	23180022	Lương Trung Phong	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
170	23180029	Huỳnh Thanh Tuyền	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
171	23180042	Nguyễn Văn Khoa	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
172	23180075	Nguyễn Quốc Bảo	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
173	23180080	Đoàn Thanh Cường	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
174	23180103	Đỗ Trọng Hiếu	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
175	23180198	Đặng Thị Hà Trang	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
176	23190004	Nguyễn Hồng Hạnh	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
177	23190079	Nguyễn Thị Thùy Nguyên	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
178	23190122	Phạm Thị Xuân Uyên	8,73	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
179	23197004	Nguyễn Phước Huy Long	8,67	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
180	23200015	Hồ Quốc Huy	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
181	23200025	Đỗ Gia Min	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
182	23200033	Nguyễn Anh Tuấn	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
183	23200066	Trần Hoàng Bảo	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
184	23200087	Trần Quang Hữu	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
185	23200141	Đỗ Mỹ Thâm	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
186	23200164	Nguyễn Thị Cẩm Uyên	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
187	23210011	Cao Mạnh Nhất	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Hải dương học
188	23220001	Lê Từ Mỹ	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
189	23220049	Hồ Minh Sang	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
190	23230011	Lê Hoàng Phúc	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
191	23250013	Lê Thị Ngọc Ánh	8,52	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
192	23250028	Nguyễn Hoàng Vĩnh Khang	8,5	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
193	23250039	Trần Võ Trà My	8,82	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
194	23260001	Nguyễn Kiến Nguyên	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
195	23260002	Nguyễn Ngọc Phương Dung	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
196	23260052	Âu Trí Viễn	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
197	23270006	Phạm Đặng Nhựt Khiêm	8,37	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất
198	23280007	Nguyễn Quang Lập	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
199	23280015	Nguyễn Triều Dương	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
200	23280025	Đặng Trọng Bảo Thi	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
201	23290002	Nguyễn Lê Chánh	9,33	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
202	23290018	Lê Trần Ngọc Anh	9,1	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
203	23290044	Ngô Phạm Tuyết Nhi	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
204	23290075	Trần Minh Tiền	9,12	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
205	24110007	Phạm Quốc Bình	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
206	24110032	Ngô Hoàng Lực	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
207	24110036	Nguyễn Hoàng My	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
208	24110088	Bùi Quang Khôi	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
209	24110137	Nguyễn Quốc Đạt	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
210	24110141	Trần Tấn Đạt	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
211	24110164	Đặng Phước Hùng	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
212	24110179	Huỳnh Thế Khải	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
213	24110190	Nguyễn Anh Khôi	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
214	24110207	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
215	24110245	Đỗ Hoàng Thịnh	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
216	24120040	Dương Hoài Đức	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
217	24120053	Đặng Ngọc Hoàng	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
218	24120103	Hoàng Trọng Nghĩa	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
219	24120144	Dương Ngọc Minh Thư	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
220	24120151	Phạm Minh Trọng	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
221	24120152	Trần Ngọc Thanh Tú	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
222	24120158	Phan Tấn Vượng	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
223	24120168	Đoàn Ngọc Bảo	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
224	24120170	Phạm Gia Bảo	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
225	24120209	Vân Hoàng Nhật	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
226	24120215	Nguyễn Ngọc Phúc	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
227	24120248	Phí Hoàng Đức	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
228	24120280	Phan Hữu Danh	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
229	24120290	Lê Tấn Dũng	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
230	24120327	Trịnh Đỗ Minh Huy	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
231	24120359	Trần Tuấn Kiệt	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
232	24120416	Đoàn Thế Phùng	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
233	24120438	Trần Nguyên Tân	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
234	24120457	Huỳnh Chí Thoại	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
235	24122002	Đình Như Phát	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
236	24122033	Trần Trung Hiếu	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
237	24130018	Lê Hữu Hoàng	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
239	24130039	Trần Văn Khoa	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
240	24130055	Phạm Hoàng Nam	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
242	24130086	Nguyễn Hoàng Thanh Uyên	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
244	24130176	Nguyễn Thanh Hiền	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
246	24130248	Hồ Minh Quang	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
247	24130277	Nguyễn Minh Trọng	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
248	24130281	Nguyễn Ngọc Anh Tú	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
238	24130022	Nguyễn Quách Vinh Hưng	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
243	24130095	Ôn Gia Bảo	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
241	24130064	Nguyễn Hữu Phước	8,97	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
245	24130222	Nguyễn Thành Nam	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
249	24140001	Thân Tú Đan	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
250	24140002	Nguyễn Đức Hiền	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
251	24140003	Nguyễn Lê Huy Hoàng	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
252	24140005	Lê Anh Trung	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
253	24140007	Đào Trọng Nhân	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
254	24140013	Võ Đình Dương	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
255	24140038	Võ Minh Trúc	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
256	24140041	Nguyễn Gia Bảo	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
257	24140139	Nguyễn Đức Khôi	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
258	24140157	Lê Minh Luân	8,88	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
259	24140177	Hà Thị Ánh Nguyệt	8,74	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Hóa học
260	24140189	Nguyễn Đức Phú	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
261	24150023	Nguyễn Thái Hưng	8,08	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
262	24150075	Nguyễn Như Quỳnh	8,57	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
263	24150116	Võ Minh Khiêm	8,2	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
264	24150119	Nguyễn Hoàn Tuyết Nhi	8,17	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
265	24150121	Nguyễn Huỳnh Quốc Thanh	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
266	24150139	Nguyễn Hồng Đức	8,26	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
267	24150175	Nguyễn Trọng Nghĩa	8,08	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
268	24150184	Trần Thị Thanh Nhân	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
269	24150189	Lê Đặng Hoàng Oanh	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
270	24150205	Trương Thị Bé Thi	8,14	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
271	24160026	Vũ Dương Thùy Linh	8,42	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
272	24160037	Huỳnh Tiến Thanh	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
273	24170004	Nguyễn Khánh Đan	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
274	24170008	Nguyễn Quỳnh Hoa	8,24	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
275	24170049	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	8,14	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
276	24170068	Nguyễn Văn Hậu	8,38	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
277	24170094	Lê Nguyễn Gia Lâm	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
278	24170095	Trần Trung Lập	8,31	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
279	24170156	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,16	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
280	24180001	Huỳnh Minh Khôi	8,84	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
281	24180002	Lê Hoàng Trung	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
282	24180003	Phan Nhật Trường	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
283	24180039	Phạm Đặng Hoàng Trân	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
284	24180043	Nguyễn Lê Vy Uyên	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
285	24180044	Bùi Thùy Vân	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
286	24180050	Huỳnh Thị Ngọc Diệu	8,92	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
287	24180056	Nguyễn Minh Ngọc	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
288	24180118	Nguyễn Huỳnh Khang	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Công nghệ sinh học
289	24190009	Nguyễn Bảo Khang	8,64	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
290	24190032	Nguyễn Thị Thanh Hoài	8,72	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
291	24190034	Vương Huỳnh Minh Phương	8,65	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
292	24190096	Nguyễn Thị Hương Mơ	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
293	24190139	Lê Thị Huyền Thương	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
294	24190150	Nguyễn Xuân Trường	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
295	24200016	Lưu Gia Bảo	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
296	24200021	Bùi Văn Vương Em	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
297	24200047	Lưu Gia Bảo	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
300	24200107	Nguyễn Phú Khương	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
302	24200149	Đoàn Thanh Phúc	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
298	24200087	Huỳnh Ngọc Huy	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
299	24200094	Phan Tấn Khải	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
301	24200126	Lữ Gia Minh	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
303	24210004	Nguyễn Gia Hân	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
304	24210017	Võ Thành Hiếu	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Hải dương học
305	24220017	Đỗ Thị Tường Vy	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
306	24220063	Lê Viết Khoa	8,54	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
307	24220078	Đình Trọng Nghĩa	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
308	24220107	Mai Nguyễn Minh Thơ	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
309	24220113	Nguyễn Dạ Hoài Thương	8,81	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
310	24220130	Bùi Hữu Vinh	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
311	24230023	Lê Đức Anh Tuấn	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
312	24230048	Huỳnh Nguyễn Tính	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
313	24250009	Đào Nguyễn Ngân Khánh	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
314	24250011	Đỗ Tú Nghi	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
315	24250034	Nguyễn Võ Thành Danh	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
316	24250076	Phạm Hoàn Mỹ	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
317	24250110	Võ Minh Triết	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
318	24260025	Trần Gia Hào	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
319	24260059	Trương Quang Thuận	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
320	24260063	Hoàng Ngọc Trung	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
321	24270021	Bùi Thị Linh	7,99	Khá	Xuất sắc	Khá	2.840.000	5	14.200.000	Kỹ thuật địa chất
322	24280030	Trần Ngọc Các Uyên	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
323	24280034	Đặng Thanh Huyền	9,88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
324	24280038	Nguyễn Đăng Nhân	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
325	24280042	Quảng Diễm Quỳnh	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
326	24280080	Nguyễn Diệu Lê	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
327	24290007	Nguyễn Trọng Khoa	8,69	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
328	24290008	Lý Xuân Mai	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
329	24290009	Trần Phạm Thảo My	8,34	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
330	24290011	Ngô Ngọc Ngân	8,52	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
331	24290055	Trần Thị Quỳnh Lam	8,37	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
332	25110045	Trịnh Huy Hoàng	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
333	25110168	Trương Quang Long	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
334	25110179	Nguyễn Thị Khả Vi	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
335	25110181	Bùi Anh Tuấn	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
336	25110188	Trần Thanh Bình	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
337	25110216	Hồ Ngọc Long	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
338	25110235	Bùi Hồng Tài	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
339	25110237	Trà Minh Thiện	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
340	25110240	Lê Ngọc Bảo Trân	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
341	25110243	Ngô Phát Triển	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Toán học
342	25120006	Phan Gia Lộc	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
343	25120013	Nguyễn Tiến Tuấn	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
344	25120028	Nguyễn Minh Chí	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
345	25120031	Huỳnh Nguyên Cương	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
346	25120053	Bùi Chí Giang	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
347	25120150	Quách Mạnh Tuấn	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
348	25120182	Hứa Phước Duy	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
349	25120241	Đặng Minh Tiền	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
350	25120257	Nguyễn Huỳnh Đệ	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
351	25120261	Đặng Anh Khoa	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
352	25120306	Phạm Thái Dương	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
353	25120325	Nguyễn Vinh Hoàng	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
354	25120331	Trương Văn Hùng	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
355	25120365	Trần Phước Anh Khoa	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
356	25120403	Nguyễn Minh Nhật	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
357	25120465	Nguyễn Lê Chí Tường	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
358	25120469	Đoàn Hoàng Việt	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
359	25120480	Nguyễn Phùng Nhật Khanh	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
360	25122002	Nguyễn Huỳnh Hải Long	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
361	25122016	Tăng Lý Vĩnh Thành	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
362	25122064	Trương Tiến Dương	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
363	25122074	Đào Minh Đăng Khoa	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Trí tuệ nhân tạo
364	25130001	Lê Nguyễn Quốc Anh	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
366	25130003	Đặng Hữu Thịnh	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
367	25130005	Trần Quang Đại	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
368	25130007	Châu Nguyễn Thanh Duy	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
373	25130150	Trần Thị Thắm	9,12	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
375	25130175	Trần Tấn Đạt	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
376	25130204	Mai Lê Huy	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
377	25130205	Ngô Trần Ngọc Huy	8,92	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Vật lý học
378	25130218	Võ Quốc Kiên	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
379	25130253	Trần Thanh Sơn	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
380	25130255	Đặng Quốc Tấn	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
381	25130267	Phan Thị Thùy Trang	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Vật lý học
365	25130002	Hoàng Trần Khánh Phong	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
369	25130009	Võ Nhất Nam	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn
372	25130132	Võ Minh Hào	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ bán dẫn

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
370	25130023	Nguyễn Lê Bảo Châu	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
371	25130123	Phạm Hoàng Anh	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
374	25130173	Lê Phúc Đạt	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
382	25140001	Hoàng Gia Bảo	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
383	25140002	Lý Anh Kiệt	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
384	25140004	Đỗ Ngọc Luân	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
385	25140007	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
386	25140119	Trần Thiện Bảo Ngọc	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
387	25140158	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
388	25140159	Trần Quốc Bảo	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
389	25140174	Phạm Quang Huy	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
390	25140194	Ngô Thị Huỳnh Như	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
391	25140201	Ngô Thiên Phúc	9,71	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Hóa học
392	25150001	Lê Hoài Nam	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
393	25150002	Lê Minh Đức	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
394	25150091	Lê Thị Phương Thảo	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Sinh học
395	25150155	Võ Hoàng Hoài Anh	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
396	25150165	Văn Thị Thúy Diễm	8,63	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
397	25150172	Nguyễn Hải Hồ	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
398	25150181	Võ Duy Khang	8,77	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
399	25150182	Đào Anh Khôi	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
400	25150191	Vũ Ban Mai	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học
401	25150207	Phạm Trường Phúc	8,54	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
402	25160003	Huỳnh Thị Ngọc Cẩm	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
403	25160052	Huỳnh Lê Bảo Ngọc	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
404	25160074	Đỗ Lê Hoàng	8,59	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
405	25160082	Nguyễn Hoàng Khuê	8,59	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
406	25160085	Nguyễn Thị Diệu Linh	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Địa chất học
407	25170016	Trịnh Đăng Hải	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
408	25170039	Phạm Mai Linh	8,51	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
409	25170097	Trần Ngọc Minh Châu	8,81	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
410	25170133	Nguyễn Quang Sang	8,37	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
411	25170134	Ngô Công Tài	8,93	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
412	25170142	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
413	25170144	Lê Thị Thùy Trang	8,33	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
414	25170145	Nguyễn Lưu Thùy Trang	8,47	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Khoa học môi trường
415	25180001	Huỳnh Nhân	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
416	25180003	Đỗ Thanh Truyền	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
417	25180014	Huỳnh Ngọc Minh Châu	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
418	25180123	Nguyễn Phạm Minh Đạt	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
419	25180128	Nguyễn Lê Gia Hân	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
420	25180141	Bùi Ngọc Yến Ngân	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
421	25180152	Phạm Thị Bảo Phương	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
422	25180176	Phạm Huỳnh Bảo Trâm	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
423	25180227	Phạm Trần Hoàng Vũ	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Công nghệ sinh học
424	25190090	Võ Bảo Vy	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
425	25190097	Lê Thanh Long	9,21	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
426	25190131	Hồ Nhật Huy	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.104.000	5	20.520.000	Khoa học vật liệu
427	25190135	Lê Nguyễn Hoàng Khanh	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
428	25190153	Xính Cá Tài	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
429	25190156	Cao Đức Thịnh	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
430	25190165	Nguyễn Ngọc Thái Tú	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.762.000	5	18.810.000	Khoa học vật liệu
431	25200019	Lê Nguyễn Trung Hiếu	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
432	25200032	Nguyễn Văn Bá Khôi	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
433	25200048	Nguyễn Bình Ánh Nhân	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
434	25200098	Nguyễn Trọng Chiến	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
435	25200139	Bùi Hữu Tài	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
436	25200145	Nguyễn Minh Triết	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
437	25210001	Trần Đỗ Phương Anh	8,53	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
438	25210033	Tạ Thị Ngọc Hiền	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
439	25210034	Đàm Huy Hoàng	9,19	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Hải dương học
440	25220013	Nguyễn Tiến Đạt	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
441	25220035	Tào Khánh Linh	8,68	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
442	25220061	Dương Trí Thuận	8,66	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
443	25220068	Hoàng Quốc Triệu	8,75	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
444	25220089	Vũ Đức Gia Bảo	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
445	25220099	Nguyễn Lưu Mẫn	8,66	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
446	25220114	Hà Thanh Sơn	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
447	25220123	Lâm Thị Ngọc Trinh	8,83	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
448	25230004	Trần Gia Hân	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
449	25230024	Đặng Lê Huyền Trân	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
450	25230036	Diệp Thị Ngọc Hân	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.408.000	5	17.040.000	Kỹ thuật hạt nhân
451	25250062	Nguyễn Võ Mai Quỳnh	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Công nghệ vật liệu
452	25250069	Hoàng Kim Tân	8,87	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
453	25250135	Lê Nguyễn Trúc Ly	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
454	25250136	Trần Lê Ái My	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
455	25250140	Phạm Minh Quân	8,79	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
456	25250143	Võ Minh Tài	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
457	25250160	Lưu Nguyễn Thảo Vy	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.905.000	5	19.525.000	Công nghệ vật liệu
458	25260018	Trần Xuân Nga	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
459	25260037	Nguyễn Phương Anh	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.864.000	5	19.320.000	Vật lý Y khoa
460	25270027	Trần Thị Kim Ngọc	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất
461	25270035	Võ Hoàng Gia Trang	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Kỹ thuật địa chất
462	25280003	Trương Hồ Minh Thuận	9,84	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
463	25280075	Dương Đức Toàn	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
464	25280094	Phạm Thế Anh	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
465	25280102	Lê Thanh Hiếu	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
466	25280112	Nguyễn Minh Khôi	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Khoa học dữ liệu
467	25290039	Nguyễn Minh Tâm	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
468	25290065	Hồ Thiện Cẩm	9,19	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
469	25290069	Nguyễn Ngọc Gia Hân	8,58	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
470	25290075	Nguyễn Phúc Kiên	8,56	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK1/25-26)	XL HT (HK1/25-26)	XL ĐRL (HK1/25-26)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
471	25290088	Trần Vĩnh Thành	8,53	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.124.000	5	15.620.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
472	25300031	Lê Quý Thanh Thiên	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
473	25300036	Nguyễn Thị Cẩm Thy	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
474	25300067	Nguyễn Anh Quân	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	4.260.000	5	21.300.000	Thiết kế vi mạch
475	25310050	Trương Hoài Đức	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục
476	25310052	Trần Thị Phụng Nhi	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục
477	25310064	Đoàn Quân Tiến	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.816.000	5	19.080.000	Công nghệ giáo dục